



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

o

sen

ben

biz

o

o

ne

onlar

siz

niye

nerede

kim

ne zaman

hangi

nasıl

gerçekten

eğer

sonra

değil

çünkü

fakat

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Bu ne kadar?

Buna ihtiyacım var

bu

veya

hepsi

o

Biliyorum

bilmek
biliyor, bildi, bilir, bilmez

ve

gelmek
geliyor, geldi, gelir, gelmez

düşünmek
düşünüyor, düşündü, düşünür,
düşünmez

Bilmiyorum

bulmak
buluyor, buldu, bulur, bulmaz

almak
alıyor, aldı, alır, almaz

koymak
koyuyor, koydu, koyar, koymaz

konuşmak
konuşuyor, konuştu, konuşur,
konuşmaz

çalışmak
çalışıyor, çalıştı, çalışır, çalışmaz

dinlemek
dinliyor, dinledi, dinler, dinlemez

yardım etmek
yardım ediyor, yardım etti, yardım
eder, yardım etmez

beğenmek
beğeniyor, beğendi, beğenir,
beğenmez

vermek
veriyor, verdi, verir, vermez

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

beklemek

bekliyor, bekledi, bekler, beklemez

aramak

arıyor, aradı, arar, aramaz

sevmek

seviyor, sevdi, sever, sevmez

Beni seviyor musun?

Bu hoşuma gitmiyor

Senden hoşlanıyorum

bir

sıfır

Seni seviyorum

dört

üç

iki

yedi

altı

beş

on

dokuz

sekiz

on üç

on iki

on bir

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

on altı

on beş

on dört

on dokuz

on sekiz

on yedi

eski

yeni

yirmi

ne kadar?

çok

az

doğru

yanlış

kaç?

mutlu

iyi

kötü

küçük

uzun

kısa

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

burada

orada

büyük

güzel

sol

sağ

merhaba

yaşlı

genç

kendine iyi bak

tamam

sonra görüşürüz

iyi günler

tabii ki

endişelenme

hoşça kal

güle güle

selam

teşekkür ederim

üzgünüm

affedersiniz

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

şimdi

Bunu istiyorum

lütfen

gece

sabah

öğleden sonra

öğle vakti

akşam

sabah

dakika

saat

gece yarısı

hafta

gün

saniye

zaman

yıl

ay

dün

önceki gün

tarih

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

öbür gün

yarın

bugün

Çarşamba

Salı

Pazartesi

Cumartesi

Cuma

Perşembe

hayat

Yarın Cumartesi

Pazar

aşk

adam

kadın

arkadaş

kız arkadaş

erkek arkadaş

çocuk

seks

öpmek

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đúng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

oğlan

kız

bebek

anne

babacığım

anneciğim

oğul

ebeveyn

baba

küçük erkek kardeş

küçük kız kardeş

kız evlat

durmak

duruyor, durdu, durur, durmaz

abi

abla

kapatmak

kapatıyor, kapattı, kapatır, kapatmaz

yatmak

yatıyor, yattı, yatar, yatmaz

oturmak

oturuyor, oturdu, oturur, oturmaz

kazanmak

kazanıyor, kazandı, kazanır,
kazanmaz

kaybetmek

kaybediyor, kaybetti, kaybeder,
kaybetmez

açmak

açıyor, açtı, açar, açmaz

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

açmak

açıyor, açtı, açar, açmaz

yaşamak

yaşıyor, yaşadı, yaşar, yaşamaz

ölmek

ölüyor, öldü, ölür, ölmez

yaralamak

yaralıyor, yaraladı, yaralar, yaralamaz

öldürmek

öldürüyor, öldürdü, öldürür, öldürmez

kapatmak

kapatıyor, kapattı, kapatır, kapatmaz

içmek

içiyor, içti, içer, içmez

izlemek

izliyor, izledi, izler, izlemez

dokunmak

dokunuyor, dokundu, dokunur, dokunmaz

tanışmak

tanışıyor, tanıştı, tanışır, tanışmaz

yürümek

yürüyor, yürüdü, yürür, yürümez

yemek

yiyor, yedi, yer, yemez

takip etmek

takip ediyor, takip etti, takip eder, takip etmez

öpmek

öpüyor, öptü, öper, öpmez

bahis oynamak

bahis oynuyor, bahis oynadı, bahis oynar, bahis oynamaz

sormak

soruyor, sordu, sorar, sormaz

cevaplamak

cevaplıyor, cevapladı, cevaplar, cevaplamaz

evlenmek

evleniyor, evlendi, evlenir, evlenmez

iş

şirket

soru

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefon

para

iş

hastane

doktor

ofis

devlet başkanı

polis

hemşire

kırmızı

siyah

beyaz

sarı

yeşil

mavi

komik

hızlı

yavaş

zor

adaletli

adaletsiz

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

zengin

Bu zor

kolay

zayıf

güçlü

fakir

gururlu

yorgun

güvenli

sağlıklı

hasta

tok

yüksek

alçak

kızgın

her zaman

her

düz

zaten

tekrar

aslında

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

daha

çoğu

az

çok

hiç

Daha fazla istiyorum

inek

domuz

hayvan

koyun

köpek

at

ayı

kedi

maymun

kelebek

ördek

tavuk

örümcek

balık

arı

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

içinde

dışında

yılan

altında

yakın

uzak

ön

yanında

yukarıda

ekşi

tatlı

arka

sert

yumuşak

garip

çılgın

aptal

şirin

kısa boylu

uzun boylu

meşgul

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

havalı

şaşırmış

endişeli

zeki

kötü

iyi huylu

kafa

sıcak

soğuk

ağız

saç

burun

el

göz

kulak

beyin

kalp

ayak

basmak

basıyor, bastı, basar, basmaz

itmek

itiyor, itti, iter, itmez

çekmek

çekiyor, çekti, çeker, çekmez

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

dövüşmek

dövüşüyor, dövüştü, dövüşür,
dövüşmez

yakalamak

yakalıyor, yakaladı, yakalar,
yakalamaz

vurmak

vuruyor, vurdu, vurur, vurmaz

okumak

okuyor, okudu, okur, okumaz

koşmak

koşuyor, koştu, koşar, koşmaz

atmak

atıyor, attı, atar, atmaz

saymak

sayıyor, saydı, sayar, saymaz

düzeltilmek

düzeltiliyor, düzeltilti, düzeltir,
düzeltmez

yazmak

yazıyor, yazdı, yazar, yazmaz

satın almak

satın alıyor, satın aldı, satın alır, satın
almaz

satmak

satıyor, sattı, satar, satmaz

kesmek

kesiyor, kesti, keser, kesmez

rüya görmek

rüya görüyor, rüya gördü, rüya
görür, rüya görmez

çalışmak

çalışıyor, çalıştı, çalışır, çalışmaz

ödemek

ödüyor, ödedi, öder, ödemez

kutlamak

kutluyor, kutladı, kutlar, kutlamaz

oynamak

oynuyor, oynadı, oynar, oynamaz

uyumak

uyuyor, uyudu, uyur, uyumaz

temizlemek

temizliyor, temizledi, temizler,
temizlemez

eğlenmek

eğleniyor, eğlendi, eğlenir, eğlenmez

dinlenmek

dinleniyor, dinlendi, dinlenir,
dinlenmez

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

kapı

ev

okul

düğün

karı

koca

ev

araba

kişi

yirmi bir

sayı

şehir

otuz

yirmi altı

yirmi iki

otuz yedi

otuz üç

otuz bir

kırk dört

kırk bir

kırk

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

elli bir

elli

kırk sekiz

altmış

elli dokuz

elli beş

altmış altı

altmış iki

altmış bir

yetmiş üç

yetmiş bir

yetmiş

seksen bir

seksen

yetmiş yedi

doksan

seksen sekiz

seksen dört

doksan dokuz

doksan beş

doksan bir

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

on bin

bin

yüz

benim köpeğim

bir milyon

yüz bin

onun arabası

onun elbisesi

senin kedin

sizin takımınız

bizim evimiz

onun topu

birlikte

herkes

onların şirketi

şerefe

önemli değil

diğer

hoşgeldiniz

katılıyorum

rahatla

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

sola dön

sağa dön

telaşa gerek yok

yumurta

Benimle gel

düz git

balık

süt

peynir

meyve

sebze

et

ekmek

sıvı yağ

kemik

şekerleme

çikolata

şeker

su

içecek

kek

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

çay

kahve

soda

salata

şarap

bira

kahvaltı

tatlı

çorba

pizza

akşam yemeği

öğle yemeği

tren istasyonu

tren

otobüs

gemi

uçak

otobüs durağı

motosiklet

bisiklet

kamyon

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

otopark

trafik ışığı

taksi

ayakkabı

giyim

yol

gömlük

kazak

palto

pantolon

takım elbise

ceket

çorap

tişört

elbise

gözlük

külot

sütyen

cüzdan

çanta

el çantası

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

saat

şapka

yüzük

Benim adım David

Adın ne?

cep

sen iyi misin?

Nasılsın?

Ben 22 yaşımdayım

bahar

Seni özledim

Tuvalet nerede?

kış

sonbahar

yaz

Mart

Şubat

Ocak

Haziran

Mayıs

Nisan

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

Eylül

Ağustos

Temmuz

Aralık

Kasım

Ekim

market

fatura

alışveriş

apartman

bina

süper market

kilise

çiftlik

üniversite

spor salonu

bar

restoran

harita

tuvalet

park

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

tabanca

polis

ambulans

banliyö

ülke

itfaiye

tıp

sağlık

köy

ameliyat

hasta

kaza

soğuk algınlığı

ateş

hap

öksürük

randevu

yara

omuz

kıç

boyun

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

kol

bacak

diz

sırt

bağır

göbek

dudak

dil

diş

mide

ayak parmağı

parmak

sinir

karaciğer

akciğer

renk

bağırsak

böbrek

kahverengi

gri

turuncu

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

ağır

sıkıcı

pembe

aç

yalnız

hafif

dik

üzgün

susamış

kare

yuvarlak

yassı

derin

geniş

dar

kuzey

kocaman

sığ

batı

güney

doğu

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

dolu

temiz

kirli

ucuz

pahalı

boş

seksi

aydınlık

karanlık

cömert

cesur

tembel

aptalca

çirkin

yakışıklı

kör

suçlu

arkadaşça

kuru

ıslak

sarhoş

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

sakin

gürültülü

ılık

banyo

mutfak

sessiz

bahçe

yatak odası

oturma odası

bodrum kat

duvar

garaj

çatı

merdiven

tuvalet

fincan

bıçak

pencere

fincan

tabak

bardak

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

TV seti

kase

çöp kutusu

ayna

yatak

çalışma masası

resim

kanepe

duş

sandalye

masa

saat

komşu

zil

yüzme havuzu

ateş etmek

ateş ediyor, ateş etti, ateş eder, ateş
etmez

seçmek

seçiyor, seçti, seçer, seçmez

başarısız olmak

başarısız oluyor, başarısız oldu,
başarısız olur, başarısız olmaz

savunmak

savunuyor, savundu, savunur,
savunmaz

düşmek

düşüyor, düştü, düşer, düşmez

oy vermek

oy veriyor, oy verdi, oy verir, oy
vermez

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

yakmak

yakıyor, yaktı, yakar, yakmaz

çalmak

çalıyor, çaldı, çalar, çalmaz

saldırmak

saldırıyor, saldırdı, saldırır, saldırmaz

uçmak

uçuyor, uçtu, uçar, uçmaz

sigara içmek

sigara içiyor, sigara içti, sigara içer,
sigara içmez

kurtarmak

kurtarıyor, kurtardı, kurtarır,
kurtarmaz

tekmelemek

tekmeliyor, tekmeledi, tekmele,
tekmelemez

tükürmek

tükürüyor, tükürdü, tükürür,
tükürmez

taşımak

taşıyor, taşıdı, taşır, taşımaz

koklamak

kokluyor, kokladı, koklar, koklamaz

nefes almak

nefes alıyor, nefes aldı, nefes alır,
nefes almaz

ısırmak

ısıyor, ısırdı, ısırır, ısırmaz

gülümsemek

gülümsüyor, gülümsedi, gülümser,
gülümsemez

şarkı söylemek

şarkı söylüyor, şarkı söyledi, şarkı
söyler, şarkı söylemez

ağlamak

ağlıyor, ağladı, ağlar, ağlamaz

küçülmek

küçülüyor, küçüldü, küçülür,
küçülmez

büyüme

büyüyor, büyüdü, büyür, büyümez

gülmek

gülüyor, güldü, güler, gülmez

paylaşmak

paylaşıyor, paylaştı, paylaşır,
paylaşmaz

tehdit etmek

tehdit ediyor, tehdit etti, tehdit eder,
tehdit etmez

tartışmak

tartışıyor, tartıştı, tartışır, tartışmaz

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

uyarmak

uyarıyor, uyardı, uyarır, uyarmaz

saklamak

saklıyor, sakladı, saklar, saklamaz

beslemek

besliyor, besledi, besler, beslemez

yuvarlanmak

yuvarlanıyor, yuvarlandı, yuvarlanır,
yuvarlanmaz

zıplamak

zıplıyor, zıpladı, zıplar, zıplamaz

yüzmek

yüzüyor, yüzdü, yüzer, yüzmez

kopyalamak

kopyalıyor, kopyaladı, kopyalar,
kopyalamaz

kazmak

kazıyor, kazdı, kazar, kazmaz

kaldırmak

kaldırıyor, kaldırdı, kaldırır, kaldırmaz

pratik yapmak

pratik yapıyor, pratik yaptı, pratik
yapar, pratik yapmaz

aramak

arıyor, aradı, arar, aramaz

teslim etmek

teslim ediyor, teslim etti, teslim
eder, teslim etmez

duş almak

duş alıyor, duş aldı, duş alır, duş
almaz

boyamak

boyuyor, boyadı, boyar, boyamaz

seyahat etmek

seyahat ediyor, seyahat etti, seyahat
eder, seyahat etmez

yıkamak

yıkıyor, yıkadı, yıkar, yıkamaz

kilitlemek

kilitliyor, kilitledi, kilitler, kilitlemez

açmak

açıyor, açtı, açar, açmaz

kitap**pişirmek**

pişiriyor, pişirdi, pişirir, pişirmez

dua etmek

dua ediyor, dua etti, dua eder, dua
etmez

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

ngiên cứu

sınav

ödev

kütüphane

tarih

bilim

ders

Fransızca

İngilizce

sanat

yüzde üç

kalem

dolma kalem

üçüncü

ikinci

birinci

kare

sonuç

dördüncü

araştırma

alan

daire

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

yüksek lisans

lisans mezunu

derece

stres

x, y'den büyük

x, y'den küçük

bölüm

personel

sigorta

mektup

adres

maaş

pilot

dedektif

kaptan

avukat

öğretmen

profesör

hakim

asistan

sekreter

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

aşçı

müdür

yönetici

sabıkalı

otobüs şöförü

taksi sürücüsü

telefon numarası

sanatçı

model

sohbet

uygulama

sinyal

e-posta adresi

url

dosya

cep telefonu

e-posta

web sitesi

kanıt

hapis

kanun

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

mahkeme

tanık

para cezası

kâr

zarar

imza

kredi kartı

tutar

müşteri

yüzme havuzu

bankamatik

parola

radio

kamera

güç

torba

şişe

hediye

melek

oyuncak bebek

anahtar

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

diş fırçası

diş macunu

tarak

kağıt peçete

krem

şampuan

sinema

televizyon

ruj

bilet

koltuk

haber

sahne

müzik

ekran

şaka

ressamlık

seyirci

dergi

gazete

makale

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

kül

doğa

reklâm

ay

elmas

ateş

yıldız

güneş

Dünya

sahil

evren

gezegen

çöl

orman

göl

nehir

kaya

tepe

ada

dağ

vadi

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

hava

deniz

okyanus

fırtına

kar

buz

bitki

rüzgar

yağmur

göl

çimen

ağaç

metal

gaz

çiçek

Gümüş, altından daha
ucuzdur

gümüş

altın

üye

tatil

Altın, gümüşten daha
pahalıdır

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

konuk

plaj

otel

Yeni yıl

Noel

doğum günü

teyze

dayı

Paskalya

büyük anne

büyük baba

büyük anne

mezar

ölüm

büyük baba

damat

gelin

boşanma

yüz on

yüz beş

yüz bir

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

iki yüz iki

iki yüz

yüz elli bir

iki yüz altmış iki

iki yüz yirmi

iki yüz altı

üç yüz yedi

üç yüz üç

üç yüz

dört yüz

üç yüz yetmiş üç

üç yüz otuz

dört yüz kırk

dört yüz sekiz

dört yüz dört

beş yüz beş

beş yüz

dört yüz seksen dört

beş yüz doksan beş

beş yüz elli

beş yüz dokuz

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

altı yüz altı

altı yüz bir

altı yüz

yedi yüz

altı yüz altmış

altı yüz on altı

yedi yüz yirmi yedi

yedi yüz yedi

yedi yüz iki

sekiz yüz üç

sekiz yüz

yedi yüz yetmiş

sekiz yüz seksen

sekiz yüz otuz sekiz

sekiz yüz sekiz

dokuz yüz dokuz

dokuz yüz dört

dokuz yüz

kaplan

dokuz yüz doksan

dokuz yüz kırk dokuz

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

tavşan

sıçan

fare

fil

eşek

aslan

güvercin

yavru horoz

kuş

böcek

böcek

kaz

karınca

sinek

sivrisinek

yunus balığı

köpek balığı

balina

sık sık

kurbağa

salyangoz

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

olmasına rağmen

aniden

hemen

koşu

tenis

jimnastik

buz pateni

golf

bisikletçilik

yüzme

basketbol

futbol

Birleşik Krallık

doğa yürüyüşü

dalgıçlık

İtalya

İsviçre

İspanya

Tayland

Almanya

Fransa

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japonya

Rusya

Singapur

Çin

Hindistan

İsrail

Kanada

Meksika

Amerika Birleşik Devletleri

Arjantin

Brezilya

Şili

Fas

Nijerya

Güney Afrika

Cezayir

Kenya

Libya

Avustralya

Yeni Zelanda

Mısır

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Asya

Avrupa

Afrika

yarım saat

çeyrek saat

Amerika

ikiyi beş geçiyor

saat bir

bir saatin üç çeyreği

beşi yirmi geçiyor

dördü çeyrek geçiyor

üçü on geçiyor

sekiz otuz beş

yedi buçuk

altıyı yirmi beş geçiyor

on ikiye on var

on bire çeyrek var

ona yirmi var

öğleden sonra iki

sabah saat bir

bire beş var

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

önümüzdeki hafta

bu hafta

geçen hafta

önümüzdeki yıl

bu yıl

geçen yıl

önümüzdeki ay

bu ay

geçen ay

on iki Nisan bin dokuz yüz
seksen sekiz

yirmi beş Şubat iki bin üç

bir Ocak iki bin on dört

on iki Aralık iki bin

otuz Eylül bin dokuz yüz yedi

on üç Ekim bin sekiz yüz
doksan dokuz

çene

kırıksık

alın

kirpikler

sakal

yanak

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

ense

bel

kaş

küçük parmak

başparmak

göğüs

işaret parmağı

orta parmak

yüzük parmağı

topuk

tırnak

bilek

kemik

kas

omurga

omur

kaburga

iskelet

atardamar

damar

mesane

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

penis

sperm

vajina

acı

sulu

testis

haşlanmış

çiğ

tuzlu

katı

açgözlü

utangaç

sağır